

Bản án số: 22/2017/DS-ST.

Ngày: 30-8-2017.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXX-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

-Bị đơn: Vợ chồng ông K’ G, bà Ka B.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Th có mặt, vợ chồng ông K’ G, bà Ka B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Từ năm 2008 và 2009 vợ chồng ông K’G, bà Ka B có mua bán phân bón, gạo và nợ tiền của ông là 5.348.000 đồng. Hai bên đã đối chiếu nợ ngày 24-01-2010 từ đó đến nay vợ chồng ông K’G, bà Ka B chưa thanh toán cho ông được đồng nào mặc dù ông đã đòi nhiều lần.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông K'G, bà Ka B có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 5.348.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24-01-2010 đến 30-8-2017 là 90 tháng tháng với mức lãi 1,125 %/ tháng thành tiền là 5.414.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 10.762.000 đồng.

Về tài liệu chứng cứ chứng minh giấy viết tay anh vợ chồng ông K'G, bà Ka B ký điểm chỉ.

Theo lời khai vợ chồng ông K'G, bà Ka B trình bày:

Vợ chồng ông, bà công nhận từ năm 2008 và 2009 có mua bán phân bón và gạo của ông Th còn nợ lại là 5.348.000 đồng là đúng. Hai bên đã đối chiếu nợ ngày 24-01-2010 từ đó đến nay vợ chồng ông, bà chưa thanh toán cho ông Th mặc dù ông Th đã đòi nhiều lần nhưng do gia đình khó khăn nên không thanh toán được. Nay vợ chồng ông, bà đồng ý thanh toán cho ông Th số tiền gốc 5.348.000 đồng và lãi phát sinh ông Th yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 428, Điều 431, Điều 438, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Th buộc vợ chồng ông K'G, bà Ka B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Th số tiền gốc 5.348.000 đồng. Bác 1 phần khởi kiện của ông Th về yêu cầu lãi 1.805.000 đồng.

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự vợ chồng ông K'G, bà Ka B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 447.000 đồng. Ông Th chịu phần án phí không được chấp nhận 1.805.000 đồng là 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông K'G, bà Ka B vắng mặt không có lý do. Việc vợ chồng ông K'G, bà Ka B cố tình vắng mặt đã tự mình từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Xuân Th xác định vợ chồng ông K'G, bà Ka B có mua bán phân bón và gạo còn nợ tiền của ông Th nhưng chưa thanh toán. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Th với vợ chồng ông K'G, bà Ka B là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[3]Về thời hiệu: Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện đến ngày 24-01-2010 vợ chồng ông K'G, bà Ka B có ký nhận nợ ông Th số tiền 5.348.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Ngày 24-11-2016 ông Th khởi kiện nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 184 BLTTDS xác định yêu cầu ông Th còn trong thời hiệu.

[4]Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy qua xem xét tài liệu do ông Th nộp cho Tòa án là giấy viết tay không có ghi tiêu đề do vợ chồng ông K'G, bà Ka B ký điểm chỉ. Vợ chồng ông K'G, bà Ka B công nhận có nợ của ông Th 5.348.000 đồng là đúng. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng ông K'G, bà Ka B nợ tiền mua bán của ông Th là có thật. Vợ chồng ông K'G, bà Ka Bôi không hợp tác đến Tòa án để giải quyết tranh chấp là chối bỏ trách nhiệm, không trung thực trong quan hệ giao dịch dân sự, yêu cầu của ông Th phù hợp với đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án cần xác định lỗi chậm trả về vợ chồng ông K'G, bà Ka B cần áp dụng Điều 428; Điều 431; Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Th đối với số tiền 5.348.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi của số tiền 5.348.000 đồng ông Th yêu cầu theo mức lãi suất 1,125 %/tháng từ ngày 24-01-2010 đến 30-8-2017 (Ông Th chỉ yêu cầu 90 tháng) thành tiền là 5.414.000 đồng là không phù hợp. Vì theo lời khai của các đương và tài liệu chứng cứ được thể quan hệ tranh chấp giữa ông Th với vợ chồng ông K'G, bà Ka B là quan hệ tranh chấp dân sự mua bán tài sản, nên căn cứ khoản 2 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm là 9%/năm (tương ứng 0,75%/tháng). Như vậy vợ chồng ông K'G, bà Ka B phải trả lãi kể từ ngày chậm trả của số tiền gốc 5.348.000 đồng tính từ tháng 24-01-2010 đến 30-8-2017 (ông Th chỉ yêu cầu 90 tháng) x 0,75% thành tiền là 3.609.000 đồng. Do đó cần bác một phần yêu cầu của ông Th về số tiền lãi (5.414.000 đồng – 3.609.000 đồng) = 1.805.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên khẳng định ông Th khởi kiện là có căn cứ, vợ chồng ông K'G, bà Ka B đã vi phạm nghĩa vụ, có lỗi chậm thanh toán, cần áp dụng Điều 428; Điều 431; Điều 438; Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc vợ chồng ông K'G, bà Ka B có nghĩa vụ trả cho bà ôngTh số tiền gốc là 5.348.000 đồng và tiền lãi là 3.609.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 8.957.000 đồng là có căn cứ.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th về yêu cầu tiền lãi 5.414.000 - 3.609.000 đồng = 1.805.000 đồng là phù hợp.

[5]Về án phí: Căn cứ Điều 114, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án: Vợ chồng ông K'G, bà Ka B chịu 8.957.000 x 5% = 447.850 án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th chịu 200.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm phần không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 428; Điều 431; Điều 438; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Th.

- Vợ chồng ông K'G, bà Ka B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân Th số tiền gốc là 5.348.000 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng), tiền lãi 3.609.000 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 8.957.000 đồng (Tám triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với số tiền lãi 1.805.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2- Về án phí: Vợ chồng ông K'G, bà Ka B chịu 447.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền 264.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2015/0004181 ngày 01-12-2016 của Chi cục Thi hành án huyện Di Linh. Trả lại ông Th số tiền còn thừa 64.000 đồng (Sáu mươi bốn nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn

